**Câu 1**: Kết thúc quá trình giảm phân từ 1 tế bào mẹ tạo ra mấy tế bào con.

 **A**. 2 **B**. 4 **C**. 3 **D**. 1

**Câu 2**: Ở cà chua:

Gen A: Thân cao trội so với gen a: Thân thấp

Gen B: Quả đỏ trội so với gen b: Quả vàng

 Cho giao phấn giữa cây cà chua thân cao, quả đở thuần chủng với cây cà chua thân thấp, quả vàng thu được F1. Cho F1 tự thụ phấn F1 có tỉ lệ kiểu hình là.

 **A**. 1 : 1 : 1 : 1 **B**. 3 : 3 : 1 : 1 **C**. 9 : 3 : 3 : 1 **D**. 9 : 9 : 3 : 3

**Câu 3**: Trong các phép lai sau, phép lai nào tạo nhiều hợp tử nhất.

 **A**. AA x AA **B**. Aa x Aa **C**. AA x Aa **D**. Aa x aa

**Câu 4:** Tài nguyên đất, nước và tài nguyên sinh vật thuộc dạng tài nguyên nào?

**A.** tài nguyên năng lượng vĩnh cửu **B.** không thuộc loại nào

**C.** tài nguyên không tái sinh **D.** tài nguyên tái sinh

**Câu 5:** Ao, hồ, sông, suối là

**A.** các hệ sinh thái nước chảy **B.** các hệ sinh thái nước đứng

**C.** các hệ sinh thái nước ngọt **D.** các hệ sinh thái ven bờ

**Câu 6:** Chuỗi và lưới thức ăn trong tự nhiên được hình thành trên cơ sở mối quan hệ nào sau đây?

**A.** quan hệ dinh dưỡng giữa các loài sinh vật

**B.** quan hệ sinh sản giữa các cá thể cùng loài

**C.** quan hệ hội sinh giữa các cá thể sinh vật

**D.** quan hệ cạnh tranh về chỗ ở giữa các loài sinh vật

**Câu 7**: Vì sao nói nhiễm sắc thể có chức năng di truyền.

 **A**. NST có tính đặc thù. **B**. NST gồm 2 nhiễm sắc tử chị em.

 **C**. NST là cấu trúc mang gen (ADN) **D**. NST có trong nhân tế bào.

**Câu 8**: Trong quá trình nguyên phân, ở kì nào nhiễm sắc thể tồn tại ở dạng sợi đơn.

 **A**. Kì đầu, kì sau. **B**. Kì sau và kì cuối.

 **C**. Kì giữa và kì cuối. **D**. Kì trung gian, kì đầu.

**Câu 9**: Điểm khác nhau cơ bản của quá trình giảm phân so với nguyên phân là.

 **A**. Trãi qua kì trung gian và giảm phân.

 **B**. Từ 1 tế bào mẹ cho ra 2 tế bào con.

 **C**. Từ 1 tế bào mẹ (2n) cho 4 tế bào con (n)

 **D**. Là hình thức sinh sản của tế bào.

**Câu 10**: Men den đã thành công trên đậu Hà Lan là vì.

 **A**. Hoa lưỡng tính và tự thụ phấn nghiêm ngặt.

 **B**. Hoa đơn tính và giao phấn.

 **C**. Hoa lưỡng tính và sinh sản nhanh.

 **D**. Hoa đơn tính.

**Câu 11**: Một đoạn mạch đơn của phân tử ADN có trình tự các Nuclêotit như sau:

...X – T – X – G – A – T – X … Thì đoạn mạch bổ sung sẽ là:

 **A**. … G – A – G – X – U – A – G … **B**. … X – A – G – X – T – A – G …

 **C**. … G – A – G – X – T – A – G … **D**. … G – T – G – X – T – T – G …

**Câu 12**: Ở chuột, 2n = 40 NST . Hai tinh bào bậc I của chuột đều giảm phân. Số NST được tạo ra sẽ là.

 **A**.160 NST **B**. 80 NST **C**. 120 NST **D**. 200 NST

**Câu 13**: Ở cá chép, vây đỏ trội hoàn toàn so với vây vàng.

P: Cá chép vây đỏ thuần chủng x cá chép vây vàng thuần chủng. Kết quả F1 sẽ như thế nào trong các trường hợp sau:

 **A**. 75% cá chép vây đỏ : 25% cá chép vây vàng.

 **B**. 50% cá chép vây đỏ : 50% cá chép vây vàng.

 **C**. 100% cá chép vây đỏ.

 **D**. 100% cá chép vây vàng.

**Câu 14**: Cho giao phấn giữa cây bắp thân cao và cây bắp thân thấp thu được F1 : 50% cây thân cao : 50% cây thân thấp. Đây là phép lai gì.

 **A**. Trội không hoàn toàn. **B**. Trội hoàn toàn.

 **C**. Lai 1 cặp tính trạng. **D**. Lai phân tích.

**Câu 15**: Điểm khác nhau cơ bản trong quá trình phát sinh giao tử cái và giao tử đực là:

 **A**. Từ noãn nguyên bào sau giảm phân tạo một trứng và ba thể cực.

 **B**. Từ noãn bào bậc 1 tạo ra 4 trứng

 **C**. Trứng sẽ được thụ tinh

 **D**. Cả trứng và thể cực sẽ tiêu biến.

**Câu 16**: Từ một noãn bào bậc I qua giảm phân sẽ tạo ra.

 **A**. 4 trứng. **B**.1 trứng và 3 thể cực.

 **C**. 2 trứng và 2 thể cực. **D**. 3 trứng và 1 thể cực.

**Câu 17**: Quá trình nguyên phân của nhiễm sắc thể trải qua mấy kì.

 **A**. 3 Kì **B**. 6 Kì **C**. 5 Kì **D**. 4 Kì

**Câu 18**: Kết quả nào sau đây đúng với trường hợp trội không hoàn toàn.

 **A**. F2 : Xuất hiện tính trạng lặn. **B**. F2 : Đồng tính trạng trội.

 **C**. F2 : 3 trội : 1 lặn **D**. F2 : 1 trội : 2 trung gian : 1 lặn

**Câu 19**: Menden tìm ra quy luật sự phân li độc lập dựa trên cơ sở nào?

 **A**. Các tính trạng của sinh vật di truyền phụ thuộc vào nhau.

 **B**. Các tính trạng màu sắc, hình dạng luôn xuất hiện cùng nhau.

 **C**. Các tính trạng màu sắc chiếm ¾

 **D**. Lai 2 cặp tính trạng và tỉ lệ của từng cặp tính trạng.

**Câu 20:** Sinh vật nào sau đây là sinh vật tiêu thụ bậc 1?

**A.** báo **B.** hổ **C.** châu chấu **D.** cáo

**Câu 21:** Trong quan hệ khác loài, mối quan hệ nào có lợi cho một loài còn loài kia không có lợi và cũng không có hại?

**A.** kí sinh **B.** hội sinh **C.** cạnh tranh **D.** cộng sinh

**Câu 22:** Sự thay đổi các tính chất vật lí, hóa học, sinh học của môi trường, gây tác hại tới đời sống của con người và các sinh vật khác được gọi là:

**A.** diễn thế sinh thái **B.** ô nhiễm môi trường

**C.** biến đổi môi trường **D.** biến động môi trường

**Câu 23:** Dấu hiệu nào sau đây **không** phải là dấu hiệu đặc trưng cơ bản của quần thể?

**A.** tỉ lệ giới tính **B.** mật độ

**C.** độ nhiều **D.** thành phần nhóm tuổi

**Câu 24:** Hãy chọn câu có nội dung **sai** trong các câu sau:

**A.** Việc tận dụng khai thác khoáng sản được con người thực hiện vào thời kì nguyên thủy

**B.** một phần đất trồng trọt và đất rừng tự nhiên bị giảm là do đô thị hóa

**C.** máy hơi nước được con người chế tạo ở giai đoạn xã hội công nghiệp

**D.** Thời đại văn minh công nghiệp được mở đầu ở thế kỉ XVIII

**Câu 25:** Câu nào **sai** trong các câu sau:

**A.** vấn đề ô nhiễm môi trường không phải là mối quan tâm của học sinh lớp 9

**B.** ô nhiễm môi trường chủ yếu do con người gây ra

**C.** nếu thu gom và xử lí rác thải hợp lí sẽ hạn chế ô nhiễm môi trường

**D.** hiện nay, ô nhiễm môi trường là vấn đề toàn cầu mà tất cả các nước đều quan tâm.

**Câu 26:** Có mấy dạng tài nguyên thiên nhiên chủ yếu?

**A.** 3 **B.** 2 **C.** 4 **D.** 5

**Câu 27:** Vai trò của khống chế sinh học trong quần xã là gì?

**A.** làm tăng độ nhiều và độ phong phú cảu quần xã

**B.** làm giảm số lượng cá thể trong quần xã

**C.** đảm bảo sự cân bằng sinh học trong quần xã

**D.** làm tăng số lượng cá thể trong quần xã

**Câu 28:** Nhóm động nào sau đây toàn động vật hằng nhiệt?

**A.** cá chép, thằn lằn, gà **B.** cá sấu. ốc sên, rắn nước

**C.** chim bồ câu, gấu, nai **D.** trâu, chim cánh cụt, thạch sùng.

**Câu 29:** Đâu là một chuỗi thức ăn đúng:

**A.** sâu -> cỏ -> chim sâu -> vsv **B.** chim sâu -> sâu -> cỏ -> vsv

**C.** cỏ -> sâu -> chim sâu -> vsv **D.** cỏ -> chim sâu -> sâu -> vsv

**Câu 30:** Giun đũa sống trong môi trường nào?

**A.** môi trường trên mặt đất và không khí **B.** môi trường sinh vật

**C.** môi trường trong nước **D.** môi trường trong đất

**Câu 31:** Nguyên nhân chủ yếu gây ra ô nhiễm môi trường là?

**A.** cháy rừng **B.** tác động của con người

**C.** hoạt động của núi lửa **D.** chất thải của các loài động vật

**Câu 32:** Vì sao đặc điểm kinh tế- xã hội chỉ có ở quần thể người mà không có ở quần thể sinh vật khác?

**A.** con người có khả năng sinh sản, sự tử vong

**B.** con người có mật độ cao, giới nam nhiều hơn nữ

**C.** con người có tư duy, lao động, cải tạo được thiên nhiên

**D.** con người có ba nhóm tuổi, có lao động

**Câu 33:** Yếu tố nào sau đây làm suy giảm nguồn tài nguyên động vật và thực vật?

**A.** sự tăng nhanh của nguồn thủy sản nước ngọt

**B.** sự tăng nhanh của sinh vật biển

**C.** sự sinh sản của cây rừng và thú rừng

**D.** sự gia tăng sinh sản ở con người

**Câu 34:** Khi có thực vật bao phủ, đất sẽ:

**A.** tăng sự khô hạn **B.** tăng khả năng xói mòn

**C.** tăng độ màu mỡ **D.** tăng độ bạc màu

**Câu 35**: Ở cải bắp 2n = 18, số gen liên kết tương ứng sẽ là.

 **A**. 32 **B**. 18 **C**. 9 **D**. 27

**Câu 36**: Trong các phép lai sau, phép lai nào tạo ra nhiều kiểu gen nhất.

 **A**. AABB x AaBb **B**. AaBb x aabb

 **C**. AABB x aabb **D**. AaBb x AaBb

**Câu 37**: Vì sao trong phép lai 1 cặp tính trạng của Menden kiểu hình F2 : 3 hoa đỏ : 1 hoa trắng

 **A**. Vì P tạo 2 loại giao tử ngang nhau.

 **B**. Các nhân tố di truyền trong cặp nhân tố di truyền giữ nguyên bản chất như ở P thuần chủng.

 **C**. Vì F2 giống P.

 **D**. Vì cơ thể P thuần chủng.

**Câu 38:** Câu nào **không** có liên quan khi nói về tài nguyên sinh vật?

**A.** phủ xanh đất trống, đồi núi trọc là góp phần tăng thêm nơi sống cho nhiều loài động vật

**B.** tài nguyên sinh vật là tài nguyên tái sinh

**C.** săn bắt động vật hoang dã là vi phạm Luật Bảo vệ môi trường

**D.** đồng, chì, nhôm, sắt là tài nguyên thiên nhiên mà con người khai thác từ lâu

**Câu 39:** Điểm mốc của thời đại văn minh công nghiệp là:

**A.** thế kỉ XV **B.** thế kỉ XVII **C.** thế kỉ XVI **D.** thế kỉ XVIII

**Câu 40:** Khi thời tiết ấm áp và độ ẩm không khí cao( ví dụ vào các tháng mùa mưa trong năm)thì

số lượng muỗi sẽ

**A.** ổn định **B.** tăng

**C.** giảm **D.** lúc tăng, lúc giảm theo hình sin

*- - - - - - - - - - - - - Hết - - - - - - - - - - - -*

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT GIA LÂM**TRƯỜNG THCS TRUNG MẦU*****ĐỀ THI THAM KHẢO******(Đề thi có 4 trang)*** | **KÌ THI VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG****NĂM HỌC 2020 – 2021****Môn thi: SINH HỌC*****Thời gian làm bài: 60 phút*****Mã thi đề 002** |

**Câu 1.** Men đen đã tiến hành trên đối tượng nào để thực hiện các thí nghiệm của mình?

A. Cây cà chua.          B. Ruồi giấm.

C. Cây Đậu Hà Lan.      D. Trên nhiều loài côn trùng

**Câu 2.** Theo Menđen, tính trạng được biểu hiện ở cơ thể lai F1 được gọi là

A. Tính trạng lặn           B. Tính trạng tương ứng.

C. Tính trạng trung gian.   D. Tính trạng trội.

**Câu 3.** Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu Di truyền học của Menđen là gì?

A. Dùng toán thống kê để tính toán kết quả thu được

B. Thí nghiệm trên cây đậu Hà Lan có hoa lưỡng tính.

C. Phương pháp phân tích các thế hệ lai.

D. Theo dõi sự di truyền của các cặp tính trạng.

**Câu 4.** Trong phép lai phân tích một cặp tính trạng của Menden, nếu kết quả thu được là 1:1 thì cá thể ban đầu có kiểu gen như thế nào?

A. Kiểu gen đồng hợp.       B. Kiểu gen dị hợp

C. Kiểu gen đồng hợp trội.  D. Kiểu gen dị hợp hai cặp gen.

**Câu 5.** Di truyền là hiện tượng

A. Truyền đạt các tính trạng của bố mẹ, tổ tiên cho các thế hệ con cháu.

B. Con cái giống bố hoặc mẹ về tất cả các tính trạng.

C. Con cái giống bố và mẹ về một số tính trạng.

D. Truyền đạt các tính trạng của bố mẹ cho con cháu.

**Câu 6.** Những đặc điểm về hình thái, cấu tạo, sinh lí của cơ thể được gọi là

A. Kiểu di truyền   B. Kiểu gen.   C. Tính trạng    D. Kiểu gen và kiểu hình.

**Câu 7.** Trong phân bào lần II của giảm phân, NST kép xếp thành một hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào ở kì nào?

A. Kì sau       B. Kì giữa       C. Kì đầu     D. Kì cuối.

**Câu 8.** Ở người sự thụ tinh giữa tinh trùng mang NST giới tính nào với trứng để tạo hợp tử phát triển thành con trai?

A. Sự thụ tinh giữa tinh trùng 22A + Y với trứng 22A + X để tạo hợp tử 44A + XY

B. Sự thụ tinh giữa tinh trùng 22A + X với trứng 22A + X để tạo hợp tử 44A + XX

C. Sự thụ tinh giữa tinh trùng 22A + Y với trứng 22A + Y để tạo hợp tử 44A + YY

D. Sự thụ tinh giữa tinh trùng 22A + X với trứng 22A + Y để tạo hợp tử 44A + XY

**Câu 9.**Bộ NST đặc trưng của những loài sinh sản hữu tính được duy trì ổn định qua các thế hệ nhờ sự kết hợp giữa

A. Nguyên phân, giảm phân và thụ tinh. B. Nguyên phân và giảm phân.

C. Giảm phân và thụ tinh. D. Nguyên phân và thụ tinh.

**Câu 10.** Một đoạn mạch ARN có cấu trúc như sau:

– X – U – U – X – G – A – G – X –

Đoạn mạch nào dưới đây là mạch khuôn của đoạn gen đã tổng hợp ARN nói trên?

A. – X – A – X – A – G – X – T – G

B. – G – A – A – G – X – T – X – G –

C. – G – A – A – G – X – U – X – G –

D. – X – T – T – X – G – A – G – X –

**Câu 11.** Đặc trưng nào dưới đây của nhiễm sắc thể là phù hợp với kì cuối của giảm phân I?

A. Các nhiễm sắc thể kép nằm gọn trong 2 nhân mới được tạo thành với số lượng là bộ nhiễm sắc thể đơn bội kép.

B. Các nhiễm sắc thể đơn nằm gọn trong nhân mới được tạo thành với số lượng là bộ nhiễm sắc thể đơn bội.

C. Các nhiễm sắc thể đơn tháo xoắn trở về dạng sợi mảnh.

D. Nhiễm sắc thể kép xếp thành 2 hàng trên mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.

**Câu 12.** Diễn biến của nhiễm sắc thể ở kì giữa của giảm phân II là

A. Nhiễm sắc thể đơn xếp thành 1 hàng trên mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.

B. Nhiễm sắc thể kép xếp thành 1 hàng trên mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.

C. Nhiễm sắc thể đơn xếp thành 2 hàng trên mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.

D. Các nhiễm sắc thể kép tháo xoắn trở về dạng sợi mảnh

**Câu 13.** Dạng đột biến cấu trúc NST thường gây hậu quả lớn nhất là

A. Đảo đoạn. B. Mất đoạn. C. Lặp đoạn. D. Chuyển đoạn.

**Câu 14.** Người bị hội chứng Đao có số lượng NST trong tế bào sinh dưỡng là

A. 47 NST.  B. 48 NST C.45 NST. D. 46 NST.

**C âu 15.** Cà độc dược có bộ nhiễm sắc thể 2n = 24. Vậy thể (2n – 1) cây cà có số lượng nhiễm sắc thể là

A. 26 B. 24. C. 25. D. 23.

**Câu 16.** Phương pháp nào dưới đây KHÔNG được áp dụng để nghiên cứu di truyền người?

A. Lai phân tích. B. Phân tích phả hệ.

C. Nghiên cứu tế bào D. Nghiên cứu trẻ đồng sinh.

**Câu 17.** Dạng đột biến nào sau đây không làm thay đổi kích thước nhiễm sắc thể nhưng làm thay đổi trình tự các gen trên đó, ít ảnh hưởng đến sức sống?

A. Đảo đoạn nhiễm sắc thể. B. Mất đoạn nhiễm sắc thể.

C. Lặp đoạn nhiễm sắc thể. D. Chuyển đoạn nhiễm sắc thể.

**Câu 18.** Con lai kinh tế được tạo ra giữa bò vàng Thanh Hoá và bò Hôsten Hà Lan, chịu được khí hậu nóng, cho 1000 kg sữa/con/năm. Ðây là thành tựu chọn giống vật nuôi thuộc lĩnh vực nào?

A. Tạo giống ưu thế lai (giống lai F1). B. Nuôi thích nghi.

C. Công nghệ cấy chuyển phôi. D. Tạo giống mới.

**Câu 19.** Ở thực vật, để củng cố một đặc tính mong muốn của giống người ta đã tiến hành như thế nào?

A. Lai khác dòng.. B. Tự thụ phấn
C. Lai khác thứ. D. Lai thuận nghịch

**Câu 20.** Trong chăn nuôi, để tận dụng ưu thế lai, người ta dùng phép lai nào sau đây?

A. Lai phân tích B. Giao phối cận huyết.

C. Lai kinh tế D. Giao phối ngẫu nhiên.

**Câu 21.** Tập hợp cá thể nào dưới đây là quần thể sinh vật?

A. Các cây ngô (bắp) trên một cánh đồng.

B. Các cá thể giun đất, giun tròn, côn trùng, đang sống trên một cánh đồng.

C. Các cá thể cá chép, cá mè, cá rô phi đang sống chung trong một ao.

D. Các cây có hoa cùng mọc trong một cánh rừng.

**Câu 22.** Trong một hệ sinh thái, cây xanh đóng vai trò nào?

A. Sinh vật sản xuất B. Sinh vật phân giải.

C. Sinh vật tiêu thụ bậc 1. D. Sinh vật tiêu thị bậc 2.

**Câu 23.** Ánh sáng ảnh hưởng tới đời sống thực vật như thế nào?

A. Làm thay đổi những đặc điểm hình thái và hoạt động sinh lí của thực vật.

B. Làm thay đổi hình thái bên ngoài của thân, lá và khả năng quang hợp của thực vật.

C. Làm thay đổi các quá trình sinh lí quang hợp, hô hấp.

D. Làm thay đổi đặc điểm hình thái của thân, lá và khả năng hút nước của rễ.

**Câu 24.** Mối quan hệ chủ yếu giữa các sinh vật khác loài khi sống gần nhau là...

A. Cạnh tranh và ức chế. B. Hỗ trợ và đối địch.

C. Đối địch và ức chế. D. Hỗ trợ và quần tụ.

**Câu 25.** Các chỉ số phản ánh đặc trưng về số lượng các loài trong quần xã là

A. Độ đa dạng, độ thường gặp, độ nhiều. B. Độ thường gặp, độ nhiều.

C. Độ nhiều, độ đa dạng. D. độ đa dạng, độ thường gặp.

**Câu 26**. Các sinh vật khác loài tranh giành nhau thức ăn, nơi ở và các điều kiện sống khác của môi trường là đặc điểm của mối quan hệ

A. Hội sinh B. Cạnh tranh C. Kí sinh. D. Cộng sinh.

**Câu 27.** Thế nào là môi trường sống của sinh vật?

A. Là nơi ở của sinh vật.

B. Là nơi tìm kiếm thức ăn, nước uống của sinh vật.

C. Là nơi sinh sống của sinh vật, bao gồm tất cả những gì bao quanh chúng.

D. Là nơi kiếm ăn, làm tổ của sinh vật . .

**Câu 28.** Hiện tượng tỉa cành tự nhiên là

A. Cành chỉ tập trung ở phần ngọn cây, các cành cây phía dưới sớm bị rụng.

B. Hiện tượng cây mọc trong rừng có tán lá hẹp, ít cành.

C. Cây trồng tỉa bớt các cành ở phía dưới.

D. Hiện tượng cây mọc trong rừng có thân cao, mọc thẳng.

**Câu 29.** Quần thể người có những nhóm tuổi nào sau đây?

A. Nhóm tuổi trước sinh sản, nhóm tuổi sinh sản và lao động, nhóm tuổi hết khả năng lao động nặng nhọc.

B. Nhóm tuổi sinh sản và lao động, nhóm tuổi sau lao động, nhóm tuổi không còn khả năng sinh sản.

C. Nhóm tuổi lao động, nhóm tuổi sinh sản, nhóm tuổi hết khả năng lao động nặng nhọc.

D. Nhóm tuổi trước lao động, nhóm tuổi lao động, nhóm tuổi sau lao động

**Cấu 30**:Nhóm ĐV nào sau đây thuộc nhóm ĐV hằng nhiệt?

A.Cá sấu, ếch đồng, giun đất B.Thằn lằn bóng đuôi dài, tắc kè,cá chép

C. Cá voi, cá heo, mèo, chimbồ câu D.Cá rô phi, tôm đồng, cá thu

**Câu 31.**Đối với những vùng đất trống, đồi núi trọc thì biện pháp chủ yếu và cần thiết nhất là:

A.Trồng cây gây rừng B.Tiến hành chăn thả gia súc

C.Cày xới để làm nương, rẫy để sản xuất lương thực D.Làm nhà ở

**Câu 32.**Những hành động nào sau đây làm suy thoái môi trường:

A.Trồng cây trên đồi trọc B.Săn bắt động vật quý hiếm

C.Không chặt phá rừng bừa bãi D.Săn bắt động vật quý hiếm – phun thuốc trừ sâu

**Câu 33.**Hệ sinh thái dưới đây không phải là hệ sinh thái trên cạn?

A.Rừng lá rộng rụng lá theo mùa vùng ôn đới B.Rừng ngập mặn

C.Vùng thảo nguyên hoang mạc D.Rừng mưa nhiệt đới

**Câu 34.**Các loài rùa biển đang bị săn lùng lấy mai làm đồ mĩ nghệ, số lượng rùa còn lại rất ít, chúng ta cần bảo vệ loài rùa biển như thế nào?

A.Bảo vệ các bãi cát là bãi đẻ của rùa biển và vận động người dân không đánh bắt rùa biển

B. Tổ chức cho nhân dân nuôi rùa

C. Không lấy trứng rùa

D.Chỉ khai thác rùa ngoài thời gian sinh sản

**Câu 35.** Đối với việc sử dụng đất sản xuất, Luật Bảo vệ môi trường quy định cho người được sử dụng là:

A.Được tự do thay đổi thực trạng của đất

B.Được tự do thay đổi mục đích sử dụng

C.Có quy hoạch sử dụng đất hợp lí và có kế hoạch cải tạo đất

D.Tự do sang nhượng đất

**Câu 36.**Nguyên nhân gây cháy nhiều khu rừng thời nguyên thuỷ là do:

A. Con người dùng lửa để lấy ánh sáng

B.Con người dùng lửa để nấu nướng thức ăn .

C.Con người dùng lửa sưởi ấm .

D.Con người đốt lửa dồn thú dữ vào các hố sâu để bắt .

**Câu 37.** Ở xã hội nông nghiệp hoạt động cày xới đất canh tác làm thay đổi đất và nước tầng mặt nên :

A. Đất bị khô cằn . B. Đất giảm độ màu mở .

C. Xói mòn đất . D. Đất khô cằn và suy giảm độ màu mở.

**Câu 38.** Người ăn gỏi cá ( thịt cá sống ) sẽ bị nhiễm bệnh :

A. Bệnh sán lá gan . B. Bệnh ho lao

C. Bệnh sốt rét . D. Bệnh thương hàn .

**Câu 39.** Biện pháp hạn chế ô nhiễm do thuốc bảo vệ thực vật

A.Trồng rau sạch .

B. Hạn chế phun thuốc bảo vệ thực vật .

C.Bón phân cho thực vật .

D.Trồng rau sạch , hạn chế phun thuốc bảo vệ thực vật .

**Câu 40.** Những biện pháp bảo vệ nguồn tài nguyên đất là:

A.Trồng cây gây rừng để chống xói mòn

B.Tăng cao độ phì cho đất

C.Bảo vệ động vật hoang dã

D.Chống xói mòn, chống nhiễm mặn, nâng cao độ phì cho đất

-----------------Hết----------------